

PHÁP GIỚI THỨ ĐỆ SƠ MÔN**QUYÊN THƯỢNG (PHẦN 2)****13. BA QUY GIỚI:** Qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng.

Kể mười điều lành là nói về mà bàn ba qui y. Khi Như Lai chưa ra đời, lúc ấy đã có sự giáo hóa bằng mười điều lành, đó là điều thiện xưa ở thế gian đâu, có Tam bảo để về. Đại Thánh (Phật) khi mới thành Chánh Giác vì Trưởng giả ĐỀ-vị mà trao cho ba qui y năm giới là bỏ tà về chánh làm căn bản bước lên bậc Thánh, người thực hành ba thừa mà qui tông tiến hành lấy đây làm đầu. Dụng của ba qui chính là phá ba tà, cứu ba đường, tiếp ba thừa, ra khỏi ba cõi. Phật pháp lấy ba qui y này làm gốc mà phát ra tất cả giới phẩm và các thiện xuất thế, há đồng với pháp mười điều lành của xưa kia ư? Hỏi: mười hai môn điều lành cũng là pháp xưa nay sao chẳng trước nói ba qui. Đáp: Nếu y theo thời tiết nói giáo thì đúng thật như câu hỏi, nhưng nay muốn nói thứ lớp tu hành về giới định thì chẳng phải như thế. Nay kể sau ba qui là nêu đủ khoa mục các giới đều đồng với ý này.

1. Qui y Phật: Phật-đà, đời Tần dịch là Giác giả, tự giác, giác tha nên gọi là Phật. Qui là trở về, bỏ thầy tà về với thầy chánh nên gọi là qui. Y là nương tựa, nương tựa tâm linh giác được ra khỏi ba đường và ba cõi sinh tử. Nên kinh chép: Qui y Phật rồi thì không còn qui y các Thiên thần khác.

2. Qui y pháp: Đạt-ma, đời Tần dịch là Pháp, Pháp là khuôn phép đáng theo. Lời Đại Thánh nói hoặc giáo, hoặc lý có thể làm khuôn phép cho tâm nên gọi là Pháp, qui là bỏ pháp tà về pháp chánh, nên gọi là Qui. Y là nương vào pháp Phật nói mà ra khỏi ba đường và ba cõi sinh tử. Cho nên kinh nói: Qui y pháp là lìa hẳn giết hại.

3. Qui y tăng: Tăng-già, đời Tần dịch là Chúng, chúng là hòa hợp. Người xuất gia tu ba thừa tâm hòa hợp với sự lý của lời Phật nói, gọi là tăng qui, là bỏ chín mười lăm bợn tà hạnh mà tâm quay về bạn chánh hạnh xuất gia ba thừa, nên gọi là qui. Y là nương bạn chánh hạnh xuất gia ba thừa thì được ra khỏi ba đường và sinh tử ba cõi. Cho nên kinh

nói: Qui y tăng thì không bao giờ qui y các ngoại đạo khác.

14. NĂM GIỚI: là 1. Giới không sát sinh, 2. Giới không trộm cướp, 3. Giới không tà dâm, 4. Giới không nói dối, 5. Giới không uống rượu.

Kế ba qui y là nói về năm giới. Luận Đại Trí Độ chép: nhớ nghĩ Phật như thầy thuốc: Nhớ nghĩ Niệm pháp như uống thuốc, nhớ nghĩ tăng như người nuôi bệnh, nhớ nghĩ giới như thuốc cấm kỵ. Nay sở dĩ kế ba qui y mà nói về các giới phẩm chính là ý này. Cho nên, Phật trao ba quy y cho các đệ tử tại gia như Đê-vị, v.v.... rồi liền trao cho năm giới làm Ưu-bà-tắc. Nếu đệ tử Phật tại gia phá năm giới này thì không phải là các sĩ nữ Thanh tín. Nên kinh chép: Năm giới là năm điều cấm lớn trong thiên hạ, nếu phạm năm giới thì đối với trời trái với năm kinh, đối với đất trái với năm nhạc, đối với phương trái với năm đế, đối với thân trái với năm tạng. Như thế, ở trong thế gian trái phạm vô lượng. Nếu y cứ xuất thế mà phạm năm giới này thì phá năm phần thân tất cả Phật pháp. Vì sao, vì năm giới này là giới căn bản của tất cả Đại, Tiểu thừa. Nếu phạm năm giới thì chẳng được giới Đại Tiểu thừa. Nếu giữ gìn bền chặt thì tức là năm Đại thí. Đây gọi chung là giới, tức là nghĩa ngăn ngừa, ngăn ngừa các luật nghi ác không nên làm, ngăn ngừa khởi ác nghiệp ba, nên gọi là phòng chỉ.

1. Giới không sát sinh. Thế nào là sát sinh? Nếu thật biết là chúng sinh, sinh tâm muốn giết mà cướp mạng sống, khởi thân nghiệp làm việc ấy thì đó là tội sát sinh. Nếu chẳng làm việc ấy thì gọi là giới bất sát. Ngoài ra các thứ cật trối, đánh đập, roi vọt đều là phương tiện giết, chẳng phải chánh tội.

2. Giới không trộm cướp: Thế nào là trộm cướp? Biết vật của người khác mà sinh tâm trộm lấy, đem vật đến chỗ khác cho là của mình thì gọi là Trộm. Nếu chẳng làm việc ấy gọi là giới không trộm cướp. Ngoài ra, tính toán cho đến tay lấy mà chưa lia chỗ thì gọi là phương tiện, không phải là chánh tội.

3. Giới không tà dâm. Thế nào là tà dâm? Nếu người nữ được cha mẹ, anh em, chị em, chồng con, pháp vua thế gian giữ gìn, hoặc giới pháp xuất gia giữ gìn, cho đến từ vợ mình thọ giới pháp một ngày, hoặc có thai, cho con bú, và phi đạo xử như thế mà phạm thì gọi là Tà dâm. Nếu chẳng làm việc ấy gọi là giới không tà dâm. Ngoài ra như nói chơi, dùng vật cho nhau, cho đến nắm tay đụng thân. Nếu chưa làm dâm dục thì đều là phương tiện tà dâm, không phải là chánh tội.

4. Giới chẳng nói dối: Thế nào là nói dối? Tâm bất tịnh muốn dối gạt người, che giấu sự thật nói lời khác lạ, sinh ra khẩu nghiệp đó là nói dối. Nếu chẳng làm việc ấy thì gọi là giới không nói dối. Tội nói dối từ lời nói mà sinh ra hiểu nhau. Nếu chẳng hiểu thì tuy nói chẳng thật cũng đều là phương tiện nói dối, không phải chánh tội.

5. Giới chẳng uống rượu: Thế nào là rượu? Rượu có ba thứ: Một là rượu nếp, hai là rượu trái cây, ba là rượu thuốc. Hoặc khô, hoặc ướt, hoặc đục, hoặc trong, các thứ như thế làm cho tâm người buông lung sinh ra ba mươi sáu lỗi. Nếu không uống rượu thì gọi là giới không uống rượu.

Kế đây là nói người tại gia Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, một ngày một đêm thọ tám giới, người xuất gia Sa-di-ni mười giới, Thức-Xoa-ma-nani sáu pháp giới, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mười thứ đặc giới, năm thiên bảy tụ tướng, cho đến Bồ-tát mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh và ba ngàn oai nghi, tám muôn luật nghi. Trong đó đều theo thứ lớp nói lược khoa mục. Luận ý đại thành chế giới từ thô đến tế. Các sự thay đổi rất nhiều việc đều nêu đủ v.v... Nay muốn tìm biết các thiền định trí tuệ pháp môn khoa mục thứ lớp, việc trong các giới này rất nhiều, đến phần cuối quyển sáu sẽ tùy cốt yếu mà nêu riêng.

15. BỐN THIÊN: là Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, và Tứ thiên.

Nay kể các giới phẩm là nói về bốn thiên. Trên là nói giới tướng (tướng của giới) tuy thô tế có khác nhưng đều là ngăn ngừa ngoại ác của thân miệng cõi Dục, đã chưa trừ tế loạn thì đâu thể vượt cảnh cõi Dục. Nếu giới mình sáng sạch chí cầu Thiên môn chuyên tu năm pháp, thì bốn đại Tự hiện duyên trong thân cho nên. Theo thứ lớp được bốn thiên căn bản các thứ thắng diệu, cả rừng công đức, do đó mà vượt ra lướt Dục, quả ở cõi Sắc, gọi chung là Thiên. Thiên là tiếng Tây Trúc, Hán dịch là bỏ ác, là bỏ tất cả các điều như ác năm cái, v.v... ở cõi Dục, nên gọi là bỏ ác, lại dịch là Công đức tòng lâm, hoặc Tư duy tu. Nay không giải thích đủ mà gọi là Căn bản. Dùng Vô lượng tâm trái bỏ thắng xứ, tất cả chỗ thân thông biến hóa là vô lậu quán tuệ, v.v... các thứ Thiên Tam-muội, đều từ bốn thiên mà ra, nên gọi là Căn bản.

Sơ thiên có năm chi: 1. Giác chi; 2. Quán chi; 3. Hỷ chi; 4. Lạc chi; 5. Nhất tâm chi

1. Giác chi: Sơ tâm ở tại duyên gọi là Giác, người tu y vị đáo địa mà phát Sơ thiên cõi sắc thanh tịnh sắc pháp, gặp thân căn cõi Dục, tâm rất kinh ngộ. Bấy giờ, liền sinh thân thức giác. Sắc này gặp công đức lợi

ích chưa từng có nên gọi là Giác chi.

2. Quán chi: Khéo léo phân biệt gọi là Quán. Người tu đã chứng công đức Sơ thiền liền dùng tâm khéo léo mà phân biệt, trong Thiền định này các sắc pháp, các cảnh giới màu nhiệm công đức, rõ ràng không có các ngăn che. Các công đức như thế chưa có ở cõi Dục nên gọi là Quán chi.

3. Hỷ chi: Tâm vui mừng là Hỷ, người tu khi mới phát thiền bèn liền sinh ra hỷ, nhưng phân biệt chưa rõ nên tâm hỷ chưa thành. Nếu quán tâm phân biệt bỏ chỗ vui cõi Dục rất ít, nay được Sơ thiền lợi ích rất nhiều. Như thế mà suy nghĩ xong thì vui mừng vô lượng, nên gọi là Hỷ chi.

4. Lạc chi: Tâm vui vẻ gọi là lạc. Người tu khi mới phát thiền liền có lạc, nhưng tâm phân biệt hỷ động dứt hết thì an nhiên tịnh lự được các lạc xúc vui vẻ khoan khoái, nên gọi là Lạc chi.

5. Nhất tâm chi: Tâm và định là một, nên gọi là Nhất tâm. Người tu khi mới chứng thiền bèn có trước định đắm vào định) mà tâm còn nương pháp giác quán hỷ lạc cho nên có tán loạn chút ít, nếu nhận tâm hỷ lạc, tự nhiên cùng định là một pháp. Nên gọi là Nhất tâm chi.

Nhị thiền có bốn chi: Một là Nội tịnh chi; hai là Hỷ chi; ba là Lạc chi; bốn là Nhất tâm chi

1. Nội tịnh chi: Tâm không quán giác lẫn lộn nên gọi là Nội tịnh chi. Người tu khi muốn lìa Sơ thiền thì chê trách các thứ giác quán. Giác quán đã diệt thì tâm nội tịnh. Tâm tương ứng với sắc pháp thanh tịnh thì rõ ràng sáng sủa, nên gọi là Nội tịnh chi.

2. Hỷ chi: Tâm vui mừng gọi là Hỷ. Người tu khi mới được nội tịnh liền cùng hỷ phát sinh, mà hỷ tâm chưa thành, kể thì tâm tự mừng được khỏi nạn giác quán mà được hỷ thắng định nội tịnh, nên vui mừng vô lượng, mà gọi là Hỷ chi.

3. Lạc chi: Tâm vui vẻ gọi là lạc. Người tu hành mừng rỡ đã dứt, an nhiên tịnh lự, được niềm vui trong hỷ nội tịnh, gọi là Lạc chi.

4. Nhất tâm chi: Tâm và pháp định là một, gọi là nhất tâm. Người tu tâm thọ vui đã dứt, thì tâm và định là một, lắng dừng bất động nên gọi là Nhất tâm chi.

Tam thiền có năm chi: Một là Xả chi; hai là Niệm chi; ba là Tuệ chi; bốn là Lạc chi; năm là Nhất tâm chi.

1. Xả chi: Lìa hỷ chẳng hối, tâm này là xả. Người tu khi muốn lìa nhị thiền thì dùng các thứ nhân duyên quở trách hỷ. Hỷ đã dứt thì Tam thiền liền phát. Nếu chứng lạc Tam thiền thì bỏ hỷ Nhị thiền, không

sinh tâm hối hận, nên gọi là Xả. Cũng gọi là Tam thiền. Khi lạc mới sinh, là vui bậc nhất của ba cõi nên sinh tâm đắm trước. Tâm đắm trước thì thiền hư hoại, nên phải thực hành xả.

2. Niệm chi: Niệm là ái niệm (ưa thích), người tu đã phát sinh cái vui tam thiền. Lạc từ trong khởi nên phải ái niệm, sắp dứt thì lạc càng tăng mạnh, cho đến cùng khắp thân. Như mẹ hiền nhớ con, ái niệm nuôi dưỡng nên gọi là Niệm chi.

3. Tuệ chi: Tâm hiểu rõ gọi là Tuệ. Người tu đã phát lạc Tam thiền thì lạc này rất mâu nhiệm, khó được tăng trưởng khắp thân. Nếu không có giải tuệ khéo léo thì chẳng thể phương tiện nuôi lớn được lạc này ở khắp thân.

4. Lạc chi: Tâm vui vẻ gọi là Lạc, người tu phát lạc tam thiền rồi, nếu khéo dùng xả niệm tuệ giải mà giữ gìn cái vui này. Cái vui đã không lỗi thì sẽ tăng mạnh khắp thân, khiến được sự vui vẻ khoan khoái của cái vui Tam thiền. Tam thiền là vui bậc nhất. Nếu lìa tam thiền ở các địa khác thì không có cái vui khắp thân.

5. Nhất tâm chi: Tâm và pháp định là một, gọi là nhất tâm lắng dừng bất động, gọi là Nhất tâm chi.

Tứ thiền có bốn chi: Một là chi Không khổ không vui; hai là chi Xả; ba là chi Niệm; bốn là chi Nhất tâm.

1. Chi chẳng khổ chẳng vui là tâm vừa chùng chẳng khổ chẳng vui. Khi người tu muốn lìa Tam thiền thì dừng các thứ nhân duyên chẻ trách lạc, lạc (vui) đã dứt hết thì định bất động, cũng phát với xả, nên nội tâm vắng lặng, chẳng khổ chẳng vui.

2. Xả chi: Lìa lạc chẳng có hối tâm ấy, gọi là xả. Người tu đã được chân định bất động đệ Tứ thiền thì bỏ lạc khó bỏ của Tam thiền mà chẳng sinh tâm hối hận nên gọi là Xả chi, cũng gọi là chứng định bất động Tứ thiền. Chẳng nên chấp định mà khởi tâm động niệm. Nếu tâm thực hành xả thì không trái với động niệm.

3. Chi Niệm thanh tịnh: Niệm là ái niệm. Người tu đã được chân định Tứ thiền, nên nghĩ lối của hạ địa mà nghĩ công đức mình phương tiện nuôi dưỡng chẳng lui mất, tiến vào thắng phẩm, nên gọi là Niệm. Cũng nói là trong Tứ thiền có bất động chiếu liễu, chánh niệm (rõ ràng), nên gọi là Niệm chi.

4. Nhất tâm chi: Tâm và pháp định là một nên gọi là Nhất tâm chi. Người tu đã được định Tứ thiền đều xả bỏ. Xả niệm đã dứt thì không còn chỗ nương, vắng lặng bất động, một tâm ở định cũng như gương sáng, lặng lẽ chẳng động, yên ổn không sóng mà chiếu soi, vạn

tượng đều hiện rõ. Vì sao? Vì trong Tứ thiền này gọi riêng là Định bất động. Sơ thiền thì giác quán động, Nhị thiền thì hỷ động, Tam thiền thì lạc động; trong Tứ thiền này trước là ưu hỷ (mừng lo) nay lại dứt bỏ khổ vui, nên gọi là chân định. Là thắng định trong ba cõi không gì hơn. Nếu người tu ba thừa khéo chiếu liễu rõ ràng thì do định này mà phát chân vô lậu. Ngoại đạo hữu lậu không có tuệ phương tiện khi vào định này thì sắc thân bất hoại, mất hẳn tâm ấy mà vào định vô tướng, tức là Niết-bàn, ấy là tà đạo không phải Niết-bàn. Từ Sơ thiền đến Tứ thiền có mười tám pháp đều gọi là Chi, tức là chi phái. Từ trong bốn thiền mà phân phái nêu ra mười tám công đức, nên gọi là Chi.

16. BỐN TÂM VÔ LƯỢNG là: Từ, bi, hỷ, xả.

Kế bốn thiền mà nói về bốn Tâm vô lượng. Bốn thiền đã là tự chứng công đức thiền định mà chưa có công được lợi người. Cho nên ưa thích công đức lớn thì phải thương xót tất cả chúng sinh, tu Từ bi hỷ xả bốn định vô lượng. Ở đây gọi chung là bốn Tâm vô lượng, là từ cảnh mà được tên. Vì sở duyên là vô lượng chúng sinh nên tâm năng duyên cũng tùy cảnh mà vô lượng, nên đều gọi là tâm Vô lượng.

1. Tâm Từ vô lượng: là tâm đem đến niềm vui cho người khác thì gọi là Từ. Nếu người tu ở trong thiền định khi nghĩ nhớ chúng sinh làm cho được vui thì trong pháp tâm sở sinh ra định, gọi là Từ định. Từ ấy tương ứng với tâm không giận không hờn, không oán không não, khéo tu được hiểu rộng lớn vô lượng trùm khắp mười phương thì gọi là tâm Từ Vô lượng.

2. Tâm Bi vô lượng, là tâm cứu khổ người gọi là Bi. Nếu người tu ở trong thiền định khi nghĩ nhớ chúng sinh chịu khổ mà giúp cho được giải thoát thì trong pháp tâm sở sinh ra định gọi là Bi định. Bi ấy tương ứng với tâm không giận không hờn, không oán không não, khéo tu được hiểu tương lai vô lượng cùng khắp mười phương, ấy là tâm Bi vô lượng.

3. Tâm Hỷ vô lượng, mừng người khác được vui mà tâm vui mừng thì gọi là Hỷ. Nếu người tu ở trong thiền định, nghĩ nhớ chúng sinh giúp cho là khổ được vui mà vui mừng thì trong pháp tâm sở sinh ra định gọi là Hỷ định. Hỷ ấy tương ứng với tâm, không giận không hờn không oán không não, khéo tu được hiểu, rộng lớn vô lượng biến khắp mười phương, ấy là tâm Hỷ vô lượng.

4. Tâm Xả vô lượng, nếu duyên với người khác mà tâm không yêu không ghét thì gọi là Xả. Người tu ở trong thiền định nghĩ nhớ chúng

sinh đều được không yêu không ghét, như chứng Niết-bàn, vắng lặng thanh tịnh. Như khi nghĩ nhớ ấy mà trong pháp tâm số sinh ra định thì gọi là Xả định. Xả ấy tương ứng với tâm không giận không hờn, không oán không não. Khéo tu được hiểu, rộng lớn vô lượng, trùm khắp mười phương. Ấy là tâm Xả vô lượng.

17. BỐN KHÔNG ĐỊNH: Một là Hư không xứ định; hai là Thức xứ định; ba là Vô sở hữu xứ định; bốn là Phi hữu tướng phi vô tướng xứ định.

Kế bốn Tâm vô lượng là nói về bốn không xứ định. Trong bốn Tâm vô lượng tuy có công đức lớn mà chưa tránh được họa nạn về hình chất. Nếu người tu nham chán sắc như lao ngục thì tâm tâm ưa muốn ra khỏi lồng sắc, cho nên kế tâm vô lượng là nói về bốn Không xứ định. Gọi chung là Không. Bốn định này thể nó không hình sắc, nên gọi là Không. Điều y theo cảnh sở chứng làm xứ cảnh pháp trì tâm, tâm không phân tán nên gọi là Định.

1. Không xứ định, nếu diệt ba thứ sắc duyên không mà vào định thì gọi là Không xứ định. Người tu nham chán, sợ sắc như lao ngục, tâm muốn thoát ra liền tu quán trí để phá sắc, nên qua tất cả sắc tướng, diệt hết tướng đối đãi, chẳng nghĩ nhớ các tướng mà vào vô biên hư không xứ, tâm tương ứng với hư không, ấy là Hư không xứ định.

2. Thức xứ định, nếu không duyên thức vào định thì gọi là Thức xứ định. Người tu chán sợ không, mà hư không vô biên duyên nhiều thì tán có công năng phá hoại định, liền bỏ hư không, chuyển tâm duyên thức. Tâm tương ứng với thức thì gọi là Thức xứ định.

3. Vô sở hữu xứ định, nếu bỏ tâm thức xứ, nương pháp vô sở hữu mà vào định thì gọi là Vô sở hữu xứ định. Người tu nham chán, sợ thức ba đời, mà thức vô biên duyên nhiều thì tán phá hoại định, cho nên bỏ duyên thức mà chuyển tâm nương vào pháp vô sở hữu xứ, khi tâm với pháp vô sở hữu tương thì gọi là Vô sở hữu xứ định. Có người giải thích rằng: Bỏ nhiều thức lấy ít thức duyên đó mà vào định, thì gọi là Vô sở hữu xứ định.

4. Phi hữu tướng phi vô tướng định: Nếu bỏ tướng hai bên mà vào định thì gọi là Phi hữu tướng phi vô tướng. Người tu chán sợ tướng vô sở hữu xứ như si mê, và Hữu tướng xứ như ghê nhọt, liền có định gọi là Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Liền bỏ Vô sở hữu xứ mà duyên niệm với pháp phi hữu phi vô tâm (chẳng phải có tâm chẳng phải không tâm), tâm tương ứng với pháp phi hữu phi vô tướng. Ấy là Phi hữu tướng phi

vô tướng xứ định. Cũng nói là phạm phu ngoại đạo được định này cho là chứng Niết-bàn, dứt tất cả tướng, nên gọi là Phi hữu tướng, đệ tử Phật như thật mà biết có tế tướng, nương vào bốn chúng mà trụ, nên gọi là Phi vô tướng đắc thất, hợp lại mà lập tên nên gọi là Phi hữu tướng phi vô tướng xứ định. Nói lược mười hai môn thiền ở ba cõi, cùng cực là ở đây.

18. SÁU DIỆU PHÁP MÔN là: Sổ, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh.

Kế bốn không định là nói về sáu diệu môn. Trước nay nói về thiền định tuy rất sâu xa mà đều là pháp xưa ở thế gian. Từ đầu đến cuối nhằm chán dưới, dính mắc trên, trong các địa đều chưa có quán tuệ chiếu liễu phương tiện xuất thế. Cho nên phạm phu, ngoại đạo tu được mười hai môn thiền này chẳng thể phát chân ngộ đạo, cho nên sinh tử không dứt là ý ở đây. Nay sáu pháp này, ba thứ trước là định, ba thứ sáu là tuệ định ái tuệ sát, phát sinh chân minh, xa lìa sinh tử, đâu đồng với trước? Sáu thứ này gọi chung là Diệu môn. Niết-bàn là diệu môn, nghĩa là thông với sáu pháp, thứ lớp thông nhau, đến được. Nê-Hoàn, Chân thật mầu nhiệm nên gọi là Diệu môn. Một nhà nói có mười thứ sáu diệu môn. Nay chỉ lược nêu một khoá thứ lớp sinh nhau, sáu môn xem là thứ lớp. Sáu môn này cũng là thiền hữu lậu và vô lậu. Các thứ khác cũng có hữu lậu và vô lậu, cạn cợt và cục bộ nên lấy đây làm thứ lớp.

1. Sổ tức môn: Nhiếp tâm vào hơi thở, từ một đến mười gọi là Sổ (đếm). Người tu vì tu chân pháp vô lậu trước phải điều tâm vào định ở cõi Dục, thô tán khó nhiếp không phải sổ thì không trị được, cho nên phải khéo điều thân mà thở từ một đến mười hơi thì thô loạn đều dứt, tâm thân dừng trụ. Ấy là cốt yếu nhập định, cho nên dùng Sổ tức (đếm hơi thở) là Diệu môn.

2. Tùy tức môn: Tâm sâu kín nương vào hơi thở, biết ra biết vào, nên gọi là Tùy (theo). Người tu do đếm hơi thở tâm trụ mà thiền định chưa phát, nếu còn đếm hơi thở thì tâm có lỗi khởi niệm, cho nên phải bỏ Sổ (đếm) mà tu Tùy (theo). Tâm nương vào hơi thở khi vào thì biết vào, khi ra thì biết ra, dài ngắn lạnh nóng đều biết rõ. Nếu tâm an, minh tịnh, do đó mà các thiền tự phát nên lấy Tùy làm môn.

3. Chỉ môn: Dứt tâm lo nghĩ gọi là Chỉ. Người tu nhân Tùy tức mà tâm an, minh tịnh, nhưng định cũng chưa phát. Nếu tâm nương vào Tùy thì nhẹ khởi loạn tưởng. Lắng dừng an ổn không gì bằng Chỉ. Cho nên bỏ Tùy mà tu Chỉ. Trong đó, thường dùng ngưng tâm mà chỉ, ngưng tâm dứt lo nghĩ, tâm không còn giao động mảy may thì các thiền định tự

nhiên khai phát. Nên lấy Chỉ làm môn.

4. Quán môn: Tâm phân biệt chia sẽ gọi là Quán. Người tu tuy do chỉ mà chứng các thiền định nhưng giải tuệ chưa phát. Nếu trụ ở tâm định thì có lời đấm mê vị vô minh, cho nên phải suy tìm xem xét thiền định đã chứng. Trong đó thường dùng thật quán bốn Niệm xứ. Nếu quán tâm rõ ràng thì biết năm chúng đối trá, phá bốn điên đảo và mười sáu tri kiến như ngã, v.v... Diên đảo đã không thì phương tiện vô lậu do đây mà khai phát. Nên lấy Quán làm môn.

5. Hoàn môn: Chuyển tâm phản chiếu gọi là Hoàn. Người tu tuy quán chiếu mà chân minh chưa phát. Nếu chấp có ta là năng quán, đánh phá điên đảo, cái hầm chấp ngã lại nương vào quán mà sinh thì đồng với ngoại đạo. Cho nên nói các ngoại đạo chấp trước, quán “trí tuệ Không” chẳng được giải thoát. Nếu biết nạn này thì phải chuyển tâm xét lại tâm năng quán. Nếu biết tâm năng quán là đối trá không thật thì sự điên đảo nương vào quán chấp ngã kia sẽ tự mất. Do đó mà phương tiện vô lậu tự nhiên phát sáng. Nên lấy Hoàn làm môn.

6. Tịnh môn: Tâm không chỗ nương cậy sóng vọng chẳng khởi, gọi là Tịnh. Người tu khi Tu hoàn tuy hay phá đảo quán, nếu chân minh chưa phát mà trụ vào không năng sở thì tức là thọ niệm, cho nên khiến tâm trí uế trước giác bất. Đây đã không dính mắc chấp trước, thanh tịnh vắng lặng, do đây mà chân minh khai phát, liền dứt kết sử ba cõi mà chứng đạo Ba thừa. Cho nên nếu thanh tịnh được nhất tâm thì muôn tà đều mất, nên lấy Tịnh làm môn là ý ở đây.

19. MƯỜI SÁU ĐẶC THẮNG: 1. Biết thở vào; 2. Biết thở ra; 3. Biết hơi thở dài ngắn; 4. Biết hơi thở khắp thân; 5. Trừ các thân hành; 6. Thọ hỷ; 7. Thọ vui; 8. Thọ các tâm hạnh; 9. Tâm làm hỷ; 10. Tâm làm nhiếp; 11. Tâm làm giải thoát; 12. Quán vô thường; 13. Quán xuất tán; 14. Quán ly dục; 15. Quán diệt; 16. Quán bất biến.

Kế sáu Diệu môn là nói về mười sáu Đặc thắng. Hai thứ thiền định này đại ý tuy đồng, mà sáu Diệu môn thì một bề (dọc) cạn, (ngang) rộng, còn mười sáu Đặc thắng thì dọc dài ngang cục. Dài thì vị xa khó đến cùng. Kế sẽ nói sau, đều gọi là Đặc thắng. Giải thích siêng có việc nhân duyên, nếu đủ ra đây v.v... Nhưng thiền này bắt đầu từ điều tâm, sau cuối đến phi tướng, mỗi địa đều có quán chiếu phát sinh vô lậu mà không có lỗi nhàm chán điều ác, tự hại, nên gọi là Đặc thắng. Các thầy phần nhiều dùng mười sáu thứ này mà đối quán bốn Niệm xứ. Nếu giải thích này thì tấn thối y cứ vị chỉ ngang bằng với sáu Diệu môn. Phân

biệt hai thứ đối với Đặc thắng ở trước thị dục ngang khác nhau. Lược nói như sau, vừa ý lấy dùng.

1. Biết hơi thở vào: Khi mới tu tập Đặc thắng thì chính là nương tùy tức, nên dùng biết hơi thở vào làm môn, tức là thay thế pháp số tức để điều tâm. Sở dĩ như thế là. Vì số tức (đếm hơi thở) thì ám tâm mà đếm nên quán tuệ không sáng. Nay biết hơi thở vào thì (biết) hơi thở rõ ràng, nên giải tuệ dễ phát. Ấy là dùng biết hơi thở vào làm pháp điều tâm. Nếu đem mười sáu Đặc thắng mà đối ngang với bốn Niệm xứ thì Từ biết hơi thở vào trở đi là có năm Đặc thắng, đều thuộc về quán thân niệm xứ.

2. Biết hơi thở ra: Người tu Đặc thắng phải dùng biết hơi thở ra mà thay cho pháp số tức đầu tiên để điều tâm. Ý nghĩa như giải thích ở trước. Nếu đối với niệm xứ thì cũng thuộc về quán thân niệm xứ.

3. Biết hơi thở dài ngắn: Người tu Đặc thắng phải nhờ quán để điều tâm. Tâm đã tịnh tế thì chiếu rõ dần sáng. Nếu được thô trụ, tế trụ và định côi dục. Trong Định ám chướng mỏng dần, tức liền biết hơi thở ra vào dài ngắn. Nếu đối với niệm xứ thì vẫn thuộc về quán thân niệm xứ.

4. Biết hơi thở khắp thân: Người tu Đặc thắng từ định côi Dục cùng quán giúp nhau mà vào Vị Đáo địa. Cho nên khi chứng minh Vị đáo địa định thì biết thân và định pháp đều là giả dối. Hơi thở ra vào khắp thân nhẹ dưởng như dưởng có như không. Đã ở trong định chiếu soi rõ ràng mà tâm nhiễm trước mỏng dần. Nếu đối với niệm xứ thì vẫn thuộc về Thân niệm xứ.

5. Trừ các thân hành: Người tu Đặc thắng từ Vị Đáo địa, khi muốn vào Sơ thiền thường phải quán xét chia chẻ. Do đây nếu phát pháp giác quán sơ thiền thì thân tâm rộng sáng, như người mắt sáng nhìn trời xanh thì thấy rất rõ ràng các thứ trên trời, phân biệt cảnh giới mình chứng đều là giả dối, không có nhân ngã. Đã không có nhân ngã thì ai làm các việc, ai thọ thiên định. Ấy là điên đảo khởi thân nghiệp đều hoại diệt, cho nên trừ các thân hành. Nếu đối với niệm xứ thì đây vẫn thuộc về quán thân niệm xứ.

6. Thọ hỷ: Người tu Đặc thắng, đã thường tương ứng với quán tuệ, nếu chứng sơ thiền hỷ chi thì sẽ chiếu rõ. Do đó hỷ sinh không lỗi nên gọi là Thọ hỷ. Nếu đối với niệm xứ thì từ đây có ba Đặc thắng đều thuộc về quán thọ niệm xứ.

7. Thọ vui: Người tu Đặc thắng đã thường tương ứng với quán tuệ. Nếu chứng Sơ thiền khi được lạc chi thì sẽ biết rõ. Đối với lạc chi mà

không khởi đấm trước, vì không có chỗ thọ mà thọ xúc vui nên gọi là thọ vui. Nếu đối với niệm xứ thì cũng thuộc về quán thọ niệm xứ.

8. Thọ các tâm hạnh: Người tu Đặc thắng đã thường cùng quán tuệ giúp đỡ lẫn nhau. Nếu khi chứng chi Sơ thiền nhất tâm thì liền chiếu rõ nhất tâm, chẳng khởi điên đảo. Ở trong nhất tâm mà được chánh thọ, nên gọi là thọ các tâm hạnh. Nếu đối với niệm xứ thì đây vẫn thuộc về quán thọ niệm xứ.

9. Tâm làm hỷ: Người tu Đặc thắng khi lìa Sơ thiền vào Nhị thiền thì thường tự chiếu rõ. Do đó nếu phát nội tịnh hỷ của Nhị thiền thì chân hỷ từ quán tuệ mà sinh. Nên gọi là tâm làm hỷ. Nếu đối với niệm xứ thì đây có ba Đặc thắng đều thuộc về quán tâm niệm xứ.

10. Tâm làm nhiếp: Người tu Đặc thắng, đã do quán tuệ mà được chi nhất tâm của Nhị thiền tức chiếu rõ nhất tâm. Do đó mà đảo tướng chẳng khởi, nên gọi tâm làm nhiếp. Nếu đối với niệm xứ thì vẫn thuộc về quán tâm niệm xứ.

11. Tâm làm giải thoát: Người tu Đặc thắng khi lìa Nhị thiền vào Tam thiền thường có quán chiếu. Cho nên nếu phát Tam thiền thì liền chiếu rõ. Tuy được diệu lạc nhưng tâm không mê đắm, không vướng lụy tự tại, nên gọi là tâm làm giải thoát. Nếu đối với niệm xứ thì vẫn thuộc về quán tâm niệm xứ.

12. Quán vô thường: Người tu Đặc thắng khi lìa Tam thiền vào Tứ thiền thường tu quán chiếu, cho nên khi phát Tứ thiền bất động định thì tự quán đạt. Trong định, tâm thức luống dối, niệm niệm sinh diệt, nên gọi là quán Vô thường. Nếu đối với niệm xứ thì từ đây có năm Đặc thắng đều thuộc về quán pháp niệm xứ.

13. Quán xuất tán: Người tu Đặc thắng khi từ Tứ thiền vào Hư không xứ càng tu quán trí thì trong ngoài chiếu rõ, cho nên nếu khi chứng Không định thì sẽ có lìa cõi sắc duyên thức mà tự tại, tiêu tán mà đối trá chẳng thật, tâm không mê đắm nên gọi là Quán xuất tán. Nếu đối với niệm xứ thì vẫn thuộc về quán pháp niệm xứ.

14. Quán ly dục: Người tu Đặc thắng lìa định Hư không xứ khi vào Thức xứ thường dùng quán tuệ tự xem xét muốn lìa hư không xứ. Tâm lìa dục cho nên phát Thức xứ định, tức là quán đạt (quán thấu suốt). Thức định đối trá chẳng thật, tâm không mê đắm nên gọi là quán ly dục. Nếu đối với niệm xứ thì cũng thuộc quán pháp niệm xứ.

15. Quán diệt: Người tu Đặc thắng khi lìa thức xứ mà vào vô sở hữu xứ thì dùng trí chiếu rõ cảnh sở tu và tâm năng tu, cho nên nếu phát vô sở hữu xứ định tức là tự quán đạt Vô sở hữu xứ là đối trá chẳng

thật nên tâm chẳng đắm trước, nên gọi là quán diệt. Nếu đối với niệm xứ thì vẫn thuộc về quán pháp niệm xứ.

16. Quán khí xả (buông bỏ): Người tu Đặc thắng lìa Vô sở hữu xứ tu Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng tức là tự dùng trí quán sát pháp sở tu và tâm năng tu. Cho nên nếu khi phát định vô tướng thì liền quán chiếu rõ ràng, biết rõ định Phi tướng xứ cả hai đều bỏ nhưng vẫn còn có niệm tướng sâu kín. Bốn chúng hòa hợp mà có đối trá chẳng thật, không phải là chân pháp Niết-bàn An vui thì tâm không mê đắm. Người tu Đặc thắng nếu ở mỗi địa mà tu quán chiếu rõ thì trong các địa điền đảo chẳng khởi, tâm chẳng đắm nhiễm. Tùy nhân duyên chỗ gặp liền ở địa đó mà phát chân vô lậu, chứng đạo Ba thừa. Nói lược về đặc thắng đã xong. Nói ít nên ý khó thấy, người đọc cần phải dùng tâm khéo léo so sánh khiến biết trong mỗi địa đều cùng bốn thiền căn bản không chứng một lượt, tuy đồng mà quán tuệ có khác.

20. THÔNG MINH THIỀN: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, hư không xứ, Thức xứ, Thiếu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, định diệt thọ tướng.

Kế mười sáu Đặc thắng là nói về Thông minh thiền. Thiền này (dọc ngang sâu kín), định quán khéo léo hơn cả Đặc thắng. Cho nên kế nói sau, mà chẳng nói tiếp sau chín tướng bội xả. Thiền này tuy thật quán sâu kín, mà chưa được giải vô lậu, được dụng đối trị rộng lớn. Có nghĩa là phá phiền não rất kém cho nên chẳng sắp sau bội xả vì cũng phải là khí loại. Nay ở sau mười sáu Đặc thắng mà được chỗ, gọi là thông minh, vì nói về tướng thiền này có nêu đủ trong kinh Đại Tập, nhưng kinh không nêu danh mục riêng mà các Thiền sư ở các nước phương Bắc ngồi chứng pháp này, muốn dùng để dạy người thì phải nêu danh để truyền đời. Nếu dùng thiền căn bản mà nói. Tuy tên có tương tự mà hành tướng có khác. Còn dùng tên này thì người nói, người làm đều hiểu nghĩa thường, rất trái với sự mâu nhiệm ấy. Nếu đặt sau mười sáu pháp quán đặc thắng thì tuy có giống chút ít mà tên gọi đều không liên quan. Nếu đối với Bội xả thắng xứ thì tên và quán đều rất khác. Đã tấn thối đều chẳng đồng với các thiền khác thì đâu, thể dùng tên các thiền khác mà nói, cho nên lập riêng tên nó gọi là Thông minh. Nói thông minh là khi tu thiền này phải quán chung ba việc nên gọi là Thông minh. Cũng vì phát được sáu thông, ba minh nên gọi là Thông minh. Chỉ có cảnh giới thiền này quá rườm rà không thể truyền thuật được. Nay chỉ nêu qua khoa mục trong kinh Đại Tập nói mà chỉ bày cho

biết có một pháp môn khác thường này truyền bá thiên.

- Sơ thiên có sáu chi, kinh Đại Tập chép: Nói Sơ thiên cũng gọi là cụ, cũng gọi là ly. Ly nghĩa là lia năm cái, cụ nghĩa là đủ năm chi. Nói năm chi tức là giác, quán, hỷ, lạc, an định.

Giác chi: Thế nào là Giác? Như tâm giác đại giác, tư duy đại Tư duy, quán về tâm tánh thì gọi là Giác. Thế nào là Quán? Là tâm thực hành đại hạnh cùng khắp tùy hỷ, đó gọi là Quán. Thế nào là Hỷ? Như chân thật biết đại Biết tiểu, tâm động tâm, đó gọi là Hỷ. Thế nào là lạc, là thực hành pháp này thì tâm nhận được các lạc xúc (các vui), đó gọi là lạc. Thế nào là An? Nghĩa là tâm an, thân an, nhận được các vui, đó gọi là An. Thế nào là Định? Nghĩa là như tâm trụ đại trụ chẳng loạn, ở duyên chẳng nhâm không có điên đảo, đó gọi là trụ.

- Nhị thiên có ba chi, kinh Đại Tập chép: Nhị thiên cũng gọi là Ly, cũng gọi là Cụ. Ly là lia năm cái, cụ là đủ ba chi, tức là hỷ, an, định.

- Tam thiên có năm chi, kinh Đại Tập chép: Tam thiên cũng gọi là Ly, cũng gọi là Cụ. Ly là lia năm cái, cụ là đủ năm chi, tức là niệm, xả, tuệ, an, định.

- Tứ thiên có bốn chi. Kinh Đại Tập chép: Tứ thiên cũng gọi là Ly, cũng gọi là Cụ. Ly là đồng lia năm cái, cụ là đủ bốn chi, tức là niệm, xả, không khổ không vui, định.

- Định Không xứ, kinh Đại Tập chép: Nếu có Tỳ-kheo quán thân mà nhàm chán sợ hãi, xa lia thân tướng, tất cả thân xúc, hỷ xúc, lạc xúc, phân biệt sắc tướng xa lia sắc Ấm, quán vô lượng không xứ, thì Tỳ-kheo ấy được định Không xứ.

- Thức xứ định. Kinh Đại Tập chép: Nếu có Tỳ-kheo tu Xa-ma-tha Tỳ-bà-xá-năng lực, quán tâm, ý, thức tự biết thân này chẳng thọ ba thọ. Vì được xa lia ba thứ thọ ấy, nên tỳ-kheo đó được Thức xứ định.

- Định Thiểu xứ. Kinh Đại Tập chép: nếu có Tỳ-kheo quán không ba đời biết tất cả hạnh vừa sinh vừa diệt. Không xứ, Thiểu xứ vừa sinh vừa diệt. Thực hành quán ấy rồi thứ lớp mà quán thức: Nay ta thức này vừa thức vừa chẳng phải thức. Nếu chẳng phải thức thì gọi là vắng lặng. Vì sao ta cầu cắt đứt thức này, đó gọi là được Thiểu xứ định.

- Định Phi tướng, kinh Đại Tập chép: Nếu Tỳ-kheo có phi tâm tướng, nghĩ rằng: Nay ta tướng này là khổ lậu, là ghê nhọt, là chẳng vắng lặng. Nếu ta dứt bỏ phi tướng và Phi phi tướng ấy thì gọi là tịch tịnh. Nếu có Tỳ-kheo dứt bỏ Phi tướng Phi phi tướng ấy thì gọi là được Vô tướng giải thoát môn. Vì sao? Vì Tỳ-kheo pháp hạnh nghĩ rằng: Nếu có thọ tướng, hoặc có thức tướng, hoặc có xúc tướng, hoặc có không

tưởng, hoặc có thức tưởng, hoặc phi tưởng Phi phi tưởng, v.v... thì đều là thô tưởng. Nay ta nếu tu Tam-muội Vô tưởng thì dứt bỏ được các tưởng như thế. Cho nên ở Phi tưởng Phi phi tưởng là vắng lặng. Thấy như thế rồi bèn nhập vào Phi phi tưởng định. Đã chẳng còn yêu đắm mà phá vô minh ấy rồi thì được quả A-la-hán. Ba thứ định trước hai đạo đã dứt, định thứ tư sau chẳng thể dùng đạo thế tục mà dứt. Phạm phu ở Phi tưởng xứ tuy là Niết-bàn thô mà cũng có mười thứ tế pháp. Vì không có phiền não thô nên tất cả phạm phu gọi là Niết-bàn. Phạm phu đó tức là ngoại đạo Uất-đầu-lam-phát.

- Định Diệt tận, kinh Đại Tập chép: Nay Kiều-trần-như! nếu có Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo nhằm chán xa lìa Bốn thiên, bốn Không xứ quán, là đạo diệt định trang nghiêm mà vào định Diệt tận.

Nay nói về chi thiền Thông minh đều trích từ kinh Đại Tập, trong đó không có một câu giải thích riêng nào. Người đọc nên tự tìm suy nghĩ.